



Article info

Type of article:

Scientific information paper

DOI:

<https://doi.org/10.58845/jstt.utt.2026.vn.6.2.92-103>

***Corresponding author:**

Email address:

Maidieuanh296@gmail.com

Received: 11/01/2026

Received in Revised Form:
03/03/2026

Accepted: 07/03/2026

Developing human resources in ethnic minority and mountainous areas to meet the requirements of national digital transformation

Mai Dieu Anh^{1*}, Nguyen Thi Thanh Thuong²

¹Faculty of Political Theory and Social Sciences & Humanities, People's Security Academy, Hanoi, Vietnam

²Faculty of Basic Sciences, National Academy of Education Management, Hanoi, Vietnam

Abstract: In the context of digital transformation becoming an inevitable trend, Vietnam identifies human development as the center, the goal, and the driving force of building a digital economy, a digital society, and a digital government. However, disparities in technological access, skills, and development conditions across regions - particularly in ethnic minority and mountainous areas - pose an urgent need for comprehensive and inclusive human resource development. The article clarifies the theoretical foundations for human resource development in ethnic minority and mountainous areas in response to the requirements of the national digital transformation; assesses the current situation of human resource development in this region; and, on that basis, proposes feasible solutions to develop high-quality human resources in ethnic minority and mountainous areas to meet the demands of digital transformation. Developing human resources in ethnic minority and mountainous areas not only helps narrow development gaps and strengthen national solidarity but also ensures that no one is left behind in the process of digital transformation and the country's sustainable development.

Keywords: Development; human resources; ethnic minority and mountainous areas; digital transformation; Vietnam



Thông tin bài viết

Dạng bài viết:

Bài báo thông tin khoa học

DOI:

<https://doi.org/10.58845/jstt.utt.2026.vn.6.2.92-103>

***Tác giả liên hệ:**

Địa chỉ Email:

Maidieuanh296@gmail.com

Ngày nộp bài: 11/01/2026

Ngày nộp bài sửa: 03/03/2026

Ngày chấp nhận: 07/03/2026

Phát triển nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số quốc gia

Mai Diệu Anh^{1*}, Nguyễn Thị Thanh Thương²

¹Khoa Lý luận Chính trị & KHXHNV, Học viện An ninh nhân dân

²Khoa Cơ bản, Học viện Quản lý Giáo dục

Tóm tắt: Trong bối cảnh chuyển đổi số đang trở thành xu thế tất yếu, Việt Nam xác định phát triển con người là trung tâm, mục tiêu và động lực của tiến trình xây dựng nền kinh tế số, xã hội số và chính phủ số. Tuy nhiên, sự chênh lệch về trình độ, kỹ năng và điều kiện tiếp cận công nghệ giữa các vùng miền, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đang đặt ra yêu cầu cấp bách phải phát triển nguồn nhân lực một cách toàn diện và bao trùm. Bài viết làm rõ cơ sở lý luận về phát triển nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số quốc gia; đánh giá thực trạng phát triển nguồn nhân lực khu vực này; từ đó đề xuất các giải pháp mang tính khả thi nhằm phát triển nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có chất lượng đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số. Phát triển nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi không chỉ góp phần rút ngắn khoảng cách phát triển, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong tiến trình chuyển đổi số và phát triển bền vững của đất nước.

Từ khóa: Phát triển; nguồn nhân lực; vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; chuyển đổi số; Việt Nam.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và tiến trình chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ trên toàn cầu, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trở thành yếu tố then chốt quyết định năng lực cạnh tranh và sức mạnh phát triển bền vững của mỗi quốc gia. Ở Việt Nam, Đảng và Nhà nước xác định chuyển đổi số là một trong ba trụ cột quan trọng của quá trình xây dựng và vận hành nền kinh tế số, xã hội số và Chính phủ số. Điều này đòi hỏi việc phát triển nguồn nhân lực phải được tiến hành một cách đồng bộ, đặc biệt tại những khu vực còn nhiều khó khăn như vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy một trong những thách thức lớn nhất hiện nay chính khoảng cách về trình độ nguồn nhân

lực giữa các vùng miền. Nhiều nghiên cứu trước đây tập trung vào xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội hoặc giáo dục - đào tạo cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nhưng còn thiếu các công trình chuyên sâu về phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số quốc gia. Các nghiên cứu hiện có cũng mới dừng lại ở mô tả thực trạng hoặc đề xuất giải pháp mang tính tổng quát, chưa luận giải rõ sự gắn kết giữa đặc thù vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi với những yêu cầu mới của chuyển đổi số. Chính những khoảng trống đó đặt ra yêu cầu cần tiếp tục nghiên cứu một cách hệ thống, toàn diện và có chiều sâu hơn về phát triển nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong bối cảnh chuyển đổi số. Việc nghiên cứu chủ đề này

không chỉ có ý nghĩa lý luận - góp phần hoàn thiện thêm khung phân tích về phát triển nguồn nhân lực trong thời đại số - mà còn có giá trị thực tiễn quan trọng trong hoạch định chính sách phát triển vùng, bảo đảm phát triển hài hòa, bền vững và công bằng xã hội gắn với yêu cầu củng cố quốc phòng - an ninh ở những địa bàn chiến lược. Bài viết hướng tới ba mục tiêu chính: (1) Làm rõ cơ sở lý luận về phát triển nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số quốc gia; (2) Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số quốc gia hiện nay; (3) Đề xuất nhóm giải pháp mang tính khả thi nhằm phát triển nguồn nhân lực có chất lượng vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đáp ứng yêu cầu của tiến trình chuyển đổi số quốc gia.

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và tiến trình chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ trên toàn cầu, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trở thành yếu tố then chốt quyết định năng lực cạnh tranh và sức mạnh phát triển bền vững của mỗi quốc gia. Ở Việt Nam, Đảng và Nhà nước xác định chuyển đổi số là một trong ba trụ cột quan trọng của quá trình xây dựng và vận hành nền kinh tế số, xã hội số và Chính phủ số. Điều này đòi hỏi việc phát triển nguồn nhân lực phải được tiến hành một cách đồng bộ, đặc biệt tại những khu vực còn nhiều khó khăn như vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy một trong những thách thức lớn nhất hiện nay chính là khoảng cách về trình độ nguồn nhân lực giữa các vùng miền. Nhiều nghiên cứu trước đây tập trung vào xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội hoặc giáo dục - đào tạo cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nhưng còn thiếu các công trình chuyên sâu về phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số quốc gia. Các nghiên cứu hiện có cũng mới dừng lại ở mô tả thực trạng hoặc đề xuất giải pháp mang tính tổng quát, chưa luận giải rõ sự gắn kết giữa đặc thù vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi với những yêu cầu mới của chuyển đổi số.

Chính những khoảng trống đó đặt ra yêu cầu

cần tiếp tục nghiên cứu một cách hệ thống, toàn diện và có chiều sâu hơn về phát triển nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong bối cảnh chuyển đổi số. Việc nghiên cứu chủ đề này không chỉ có ý nghĩa lý luận - góp phần hoàn thiện thêm khung phân tích về phát triển nguồn nhân lực trong thời đại số - mà còn có giá trị thực tiễn quan trọng trong hoạch định chính sách phát triển vùng, bảo đảm phát triển hài hòa, bền vững và công bằng xã hội gắn với yêu cầu củng cố quốc phòng - an ninh ở những địa bàn chiến lược.

Bài viết hướng tới ba mục tiêu chính: (1) Làm rõ cơ sở lý luận về phát triển nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số quốc gia; (2) Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số quốc gia hiện nay; (3) Đề xuất nhóm giải pháp mang tính khả thi nhằm phát triển nguồn nhân lực có chất lượng vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đáp ứng yêu cầu của tiến trình chuyển đổi số quốc gia. tiến.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin, quán triệt quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, công bằng xã hội và chuyển đổi số quốc gia.

Ngoài ra, bài viết sử dụng một số phương pháp nghiên cứu cụ thể như sau:

Phương pháp phân tích - tổng hợp: bài viết tổng hợp những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân trong phát triển nguồn nhân lực vùng dân tộc thiểu số và miền núi hiện nay.

Phương pháp thống kê - định tính: bài viết khai thác dữ liệu thứ cấp từ các báo cáo chính thức, công trình nghiên cứu, kết quả điều tra dân số và lao động - việc làm của Tổng cục Thống kê. Đồng thời, sử dụng các dẫn chứng định tính phản ánh thực tế đào tạo nghề, giáo dục và chuyển đổi số ở địa phương.

Thông qua sự kết hợp các phương pháp trên, bài viết hướng đến việc đánh giá toàn diện

thực trạng, đề xuất những định hướng, giải pháp khả thi nhằm phát triển nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi phù hợp với mục tiêu chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2025 - 2030, tầm nhìn 2045.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Cơ sở lý luận về phát triển nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số quốc gia

Theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin, phát triển con người, nhất là phát triển toàn diện phẩm chất của con người là mục tiêu quan trọng của tiến bộ xã hội. C.Mác từng viết: “Bản chất con người không phải là một cái trừu tượng cố hữu của cá nhân riêng biệt. Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa những quan hệ xã hội” [1]. Quan điểm này cho thấy con người không tồn tại biệt lập mà được hình thành, phát triển trong những điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể. Việc phát triển con người - bao gồm phát triển thể lực, trí lực, phẩm chất xã hội, tri thức và kỹ năng.

Trên nền tảng kế thừa quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh luôn đề cao vai trò quyết định của con người trong sự nghiệp cách mạng: “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có con người xã hội chủ nghĩa” [2], đặt phát triển con người ở vị trí trung tâm của chiến lược phát triển đất nước. Người nhiều lần chỉ ra rằng yếu tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng chính là con người, trong đó đặc biệt quan trọng là bồi dưỡng phẩm chất, năng lực, đạo đức và tri thức của mỗi cá nhân. Điều này trở thành định hướng căn bản cho đường lối phát triển nguồn nhân lực của Đảng ta, nhất là khi quá trình chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ, đặt ra những yêu cầu mới mẻ và ngày càng cao đối với trình độ, năng lực và tư duy con người.

Đảng Cộng sản Việt Nam nhất quán xác định phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, là một trong những đột phá chiến lược; đồng thời nhấn mạnh yêu cầu phát triển toàn diện con người Việt Nam, bảo đảm công bằng trong tiếp cận cơ hội phát triển giữa các vùng, miền và các nhóm xã hội.

Về phương diện khái niệm, nguồn nhân lực là “lực lượng bao gồm những người trong độ tuổi lao động, có thể lực, trí lực, tâm lực, đáp ứng yêu cầu việc làm trong những điều kiện cụ thể, tham gia vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước” [3].

Phát triển nguồn nhân lực không chỉ là quá trình tăng số lượng lao động, mà còn là quá trình nâng cao chất lượng và điều chỉnh cơ cấu nhân lực phù hợp với yêu cầu phát triển mới, quá trình này bao gồm ba nội dung cơ bản:

(1) Gia tăng về số lượng - quy mô dân số lao động;

(2) Nâng cao chất lượng - trình độ học vấn, kỹ năng nghề, năng lực sáng tạo, phẩm chất đạo đức;

(3) Cơ cấu hợp lý - cơ cấu ngành nghề, vùng miền, giới tính, dân tộc, độ tuổi, v.v.

Đây là quá trình vừa mang tính kinh tế, vừa mang tính xã hội, văn hóa và chính trị, vì con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của phát triển.

Nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là tổng thể con người trong độ tuổi lao động (và cả lực lượng lao động tiềm năng) sinh sống tại các địa bàn có đông đồng bào dân tộc thiểu số và khu vực miền núi, có khả năng tham gia vào các hoạt động kinh tế - xã hội.

Nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi mang những đặc điểm riêng biệt do hình thành trong điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và văn hóa đặc thù của khu vực. Lực lượng lao động thường phân bố phân tán, mật độ dân cư thấp, cư trú chủ yếu vùng cao, vùng sâu, vùng xa, biên giới - những địa bàn có vị trí chiến lược ở quốc phòng, an ninh. Cơ cấu lao động chủ yếu tập trung trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp. Mặt bằng dân trí từng bước được nâng lên nhưng chưa đồng đều, tỷ lệ lao động qua đào tạo, có chuyên môn, kỹ thuật còn hạn chế. Kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng số và khả năng thích ứng với thị trường lao động hiện đại còn nhiều khó khăn do hạn chế về điều kiện giáo dục, hạ tầng và ít cơ hội tiếp cận công nghệ. Tuy nhiên, đây là lực lượng có tính cố kết cộng đồng chặt chẽ, gắn bó với bản làng, giàu bản sắc văn

hóa truyền thống, giàu bản sắc văn hóa truyền thống, và có tiềm năng lớn nếu được đầu tư, bồi dưỡng đúng hướng.

Đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, việc phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số có ý nghĩa đặc biệt quan trọng và cấp thiết. Đây là khu vực có vị trí chiến lược về chính trị, kinh tế, quốc phòng - an ninh song trình độ dân trí, chất lượng giáo dục, đào tạo, khả năng tiếp cận hạ tầng công nghệ và kỹ năng số còn nhiều hạn chế. Trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, nếu không chú trọng nâng cao năng lực chuyển đổi số cho nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nguy cơ gia tăng “khoảng cách số”, tụt hậu sẽ ngày càng rõ rệt. Đây được xác định là nhiệm vụ chính trị quan trọng nhằm củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và tạo nền tảng bền vững cho sự phát triển lâu dài của Việt Nam.

Phát triển nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số là quá trình nâng cao dân trí, trang bị kỹ năng số cơ bản và kỹ năng nghề nghiệp mới cho người lao động; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cơ sở có năng lực triển khai chính sách số hóa; gắn giáo dục - đào tạo với nhu cầu kinh tế số, chính quyền số; đồng thời đầu tư hạ tầng số, thu hẹp khoảng cách số và bảo đảm cơ hội tiếp cận công nghệ một cách công bằng. Mục tiêu không chỉ là thích ứng với chuyển đổi số quốc gia mà còn tạo động lực phát triển bền vững, rút ngắn chênh lệch giữa miền núi và các vùng phát triển hơn.

3.2. Thực trạng phát triển nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số quốc gia hiện nay

Trong sự nghiệp cách mạng, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã quan tâm, ưu tiên phát triển nguồn nhân lực vùng dân tộc thiểu số và miền núi đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng. Chương trình 135 giai đoạn II theo Quyết định số 07/2006/QĐ-TTg ngày 10/01/2006 phê duyệt Chương trình Phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi

giai đoạn 2006 - 2010 [4]; Nghị quyết số 88/2019/NQ-QH14 ngày 19/11/2019 của Quốc hội về phê duyệt Đề án Tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 [5], Nghị quyết số 120/2020 của Quốc hội phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 [6], Quyết định số 1719/2021/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 [7], trong đó có dự án thành phần “Phát triển giáo dục đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực” ... Đặc biệt, ngày 30/12/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 1657/QĐ-TTg ban hành Chương trình hành động thực hiện chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 [8], trong đó đề xuất các Đề án đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nâng cao năng lực tiếp cận khoa học - công nghệ và chuyển đổi số. Đại hội Đảng lần thứ XIII chỉ rõ: “Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt trên cơ sở nâng cao, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản về chất lượng giáo dục và đào tạo gắn với cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ nhân tài, đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng và phát triển mạnh khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo” [9].

Với sự quan tâm sâu sắc của Đảng và Nhà nước, công tác phát triển nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, góp phần thiết thực vào sự phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đặc biệt, việc triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I (2021 - 2025) đã tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và

hành động của các cấp, các ngành đối với vấn đề con người - yếu tố trung tâm của phát triển.

Trình độ dân trí được nâng cao, giáo dục phổ cập được mở rộng

Thành tựu nổi bật đầu tiên là trình độ dân trí của đồng bào dân tộc thiểu số được nâng cao rõ rệt. Hầu hết các tỉnh miền núi đã hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở; tỷ lệ người dân tộc thiểu số biết chữ “Tỷ lệ trẻ 5 tuổi đi học mẫu giáo đạt trên 98%, học sinh tiểu học đạt trên 97%, THCS trên 95%, THPT trên 60%. Đặc biệt, trên 90% người từ 15 tuổi trở lên đã biết đọc, biết viết tiếng phổ thông... Hơn 81.000 người dân tộc thiểu số đã được tiếp cận kiến thức cơ bản qua các lớp xóa mù chữ” [10]. Các mô hình trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú ngày càng được mở rộng, đóng vai trò quan trọng trong việc tạo cơ hội học tập cho học sinh vùng sâu, vùng xa, góp phần hình thành đội ngũ nhân lực có tri thức, kỹ năng cơ bản. Hiện nay, mạng lưới trường phổ thông dân tộc nội trú và bán trú đã được hình thành rộng khắp trên phạm vi cả nước, trở thành nền tảng quan trọng trong công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: “Năm học 2023 - 2024, toàn quốc có 318 trường phổ thông dân tộc nội trú tại 48 tỉnh/thành phố và 1.213 trường phổ thông dân tộc bán trú ở 29 tỉnh/thành phố” [11].

Không chỉ chú trọng giáo dục chính quy, nhiều địa phương đã đẩy mạnh hoạt động học tập cộng đồng, xóa mù chữ và bồi dưỡng kỹ năng nghề cho người dân. Các trung tâm học tập cộng đồng, trung tâm giáo dục thường xuyên đã được hình thành ở hầu hết các xã miền núi, giúp người dân có thể tiếp cận kiến thức khoa học - kỹ thuật, kỹ năng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, kỹ năng thương mại điện tử hay quản lý tài chính hộ gia đình. Đây là cơ sở quan trọng để phát triển năng lực học tập suốt đời, một yêu cầu thiết yếu trong xã hội tri thức và thời đại số.

Mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp được mở rộng, gắn với nhu cầu thị trường

Bên cạnh giáo dục phổ thông, đào tạo nghề và giáo dục chuyên môn kỹ thuật ở vùng dân tộc

thiểu số và miền núi có nhiều khởi sắc. Về cơ bản các tỉnh miền núi đã có ít nhất một cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập; trong đó, các tỉnh như Lào Cai, Sơn La, Đắk Lắk, Kon Tum, Hà Giang... đã hình thành hệ thống trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên kết hợp với dạy nghề cộng đồng, đáp ứng nhu cầu học nghề ngay tại địa phương “Các tỉnh thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi đều có trường trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, trường dạy nghề và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về nông nghiệp, quản lý kinh tế, tài chính, giáo dục, y tế...” [12].

Nội dung đào tạo được đa dạng hóa và gắn với đặc thù kinh tế - xã hội của từng vùng. Vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Bắc và miền núi phía Bắc, tập trung vào các nghề như trồng cây dược liệu, chế biến nông sản, du lịch cộng đồng; ở Tây Nguyên, phát triển nghề chế biến cà phê, ca cao, chăn nuôi gia súc lớn; còn vùng Tây Nam

Bộ chú trọng nghề thủ công mỹ nghệ và phát triển du lịch sinh thái. Đặc biệt, nhiều cơ sở đào tạo đã bắt đầu tích hợp nội dung về kỹ năng số, thương mại điện tử, nông nghiệp thông minh vào chương trình học, giúp người học bước đầu làm quen với môi trường lao động số.

Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số và miền núi được củng cố và phát triển

Một điểm sáng nổi bật khác là đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số và miền núi ngày càng được phát triển cả về số lượng và chất lượng: “Theo Báo cáo số 732 của Ủy ban Dân tộc về “Tổng kết chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020”, có 50.696 lượt người được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ; 222.229 lượt người được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước; 10.516 lượt người được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về tin học. Tại Đại hội các đảng bộ trực thuộc Trung ương nhiệm kỳ 2020 - 2025 cấp ủy viên là người dân tộc thiểu số đạt 11,68%, cao hơn nhiệm kỳ trước 0,72%” [13]. Số lượng sinh viên, học viên người dân tộc thiểu số đang theo học tại các trường đại học, học viện tăng đều qua các năm, đặc biệt ở các lĩnh vực như quản lý nhà nước, sư

phạm, y tế, công nghệ thông tin, nông - lâm nghiệp.

Đây là kết quả của việc thực hiện Nghị định số 05/2011/NĐ-CP của Chính phủ về công tác dân tộc, cùng các chính sách ưu tiên đào tạo, cử tuyển, học bổng cho sinh viên dân tộc thiểu số. Nhiều cán bộ trẻ người dân tộc thiểu số sau khi được đào tạo đã quay trở lại công tác tại địa phương, trở thành nguồn nhân lực nòng cốt trong công tác quản lý, điều hành, phát triển kinh tế - xã hội ở cơ sở. Họ không chỉ là “cầu nối” giữa chính quyền với người dân, mà còn là lực lượng tiên phong trong việc ứng dụng công nghệ thông tin, triển khai chính quyền số cấp cơ sở, góp phần đưa chuyển đổi số đến gần hơn với đời sống cộng đồng.

Hình thành ý thức học tập và khát vọng vươn lên trong cộng đồng

Bên cạnh những kết quả về giáo dục và đào tạo, một thành tựu quan trọng khác là sự thay đổi trong nhận thức và khát vọng học tập, lập nghiệp của đồng bào dân tộc thiểu số. Tư duy “học để thoát nghèo, học để phát triển” dần trở nên phổ biến hơn, nhất là trong thế hệ trẻ. Nhiều tấm gương thanh niên dân tộc thiểu số đã thành công trong các lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, thương mại điện tử, du lịch cộng đồng, trở thành hình mẫu tích cực lan tỏa tinh thần đổi mới sáng tạo ở vùng cao.

Các hoạt động tuyên truyền, vận động của Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, cùng các chương trình hỗ trợ khởi nghiệp cho thanh niên dân tộc thiểu số do Ủy ban Dân tộc và Bộ Khoa học - Công nghệ triển khai, đã thúc đẩy mạnh mẽ phong trào học tập, nghiên cứu, khởi nghiệp sáng tạo trong cộng đồng. Điều này thể hiện rõ tinh thần mà Đại hội XIII của Đảng đã xác định: “Động lực và nguồn lực phát triển quan trọng của đất nước là khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc” [14].

Có thể thấy rằng, những kết quả đạt được trong thời gian qua đã phản ánh một quá trình phát triển nguồn nhân lực ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo hướng ngày càng bài bản

và thực chất hơn, không chỉ mở rộng về quy mô mà còn từng bước nâng cao về chất lượng và chiều sâu. Nguồn nhân lực nơi đây đang dần khẳng định vai trò vừa là động lực trực tiếp thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương, vừa là lực lượng quan trọng trong củng cố quốc phòng, an ninh và gìn giữ, lan tỏa các giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc của từng dân tộc.

Mặc dù phía trước vẫn còn không ít thách thức, song trên nền tảng những kết quả đã tích lũy cùng với sự quan tâm, định hướng và đầu tư của Đảng, Nhà nước, các bộ, ngành và chính quyền địa phương, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đang từng bước hình thành đội ngũ nhân lực có tri thức, kỹ năng và tinh thần đổi mới. Đó là lực lượng ngày càng tự tin hội nhập, chủ động thích ứng với những yêu cầu phát triển mới, góp phần vào mục tiêu xây dựng một đất nước Việt Nam phát triển nhanh, bền vững.

Trong quá trình phát triển nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, bên cạnh những kết quả tích cực, vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế, yếu kém về số lượng, chất lượng và cơ cấu ngành nghề, làm cản trở tiến trình hội nhập và chuyển đổi số quốc gia.

Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo có bằng, chứng chỉ còn rất thấp: “cả nước hiện có khoảng 8 triệu lao động người dân tộc thiểu số, nhưng chỉ mới có khoảng 14% lao động được đào tạo nghề; tỷ lệ này còn rất thấp so với mặt bằng chung của cả nước” [15]. Điều này phản ánh một khoảng cách đáng kể giữa vùng dân tộc thiểu số và mức trung bình toàn quốc, cho thấy chất lượng nguồn nhân lực ở vùng này chưa đáp ứng được yêu cầu của nền kinh tế tri thức. Tỷ lệ thấp dẫn đến nhiều hệ quả đáng chú ý như phần lớn lao động dân tộc thiểu số chỉ làm các công việc giản đơn, có năng suất thấp; thiếu khả năng tiếp cận các ngành nghề đòi hỏi chuyên môn, kỹ năng kỹ thuật và dễ bị tổn thương khi thị trường lao động thay đổi nhanh theo hướng tự động hóa và số hóa.

Cơ cấu ngành nghề của lực lượng lao động vùng dân tộc thiểu số còn mất cân đối, tập trung chủ yếu trong lĩnh vực nông - lâm nghiệp: “với

83,3% trong tổng dân số dân tộc thiểu số nhưng chất lượng việc làm còn thấp, phần lớn lao động làm nghề giản đơn và trong lĩnh vực nông, lâm, thủy sản (chưa đến 40% có việc làm được trả lương với khoảng 73% làm trong lĩnh vực nông, lâm, thủy sản) [16]. Sự phụ thuộc lớn vào nông nghiệp truyền thống khiến họ khó có cơ hội tiếp cận các mô hình sản xuất thông minh, nông nghiệp công nghệ cao hay kinh tế tuần hoàn - những lĩnh vực đòi hỏi năng lực số và kỹ thuật hiện đại. Hạn chế này góp phần làm gia tăng khoảng cách năng suất, thu nhập giữa miền núi và miền xuôi, đồng thời làm chậm tiến trình hội nhập vào nền kinh tế số.

Kỹ năng số và năng lực ứng dụng công nghệ thông tin còn yếu, cả ở người dân và đội ngũ cán bộ cơ sở “Kết quả điều tra 53 dân tộc thiểu số của Tổng cục Thống kê thực hiện gần đây cho thấy hiện có 10,3% số hộ gia đình dân tộc thiểu số có sử dụng máy vi tính” [17], và mặc dù tỷ lệ sử dụng điện thoại thông minh có tăng, nhưng chủ yếu tập trung ở những nhóm dân tộc có mức thu nhập cao hơn. Hạn chế về kỹ năng số khiến người dân khó tiếp cận học liệu trực tuyến, thương mại điện tử, hay các dịch vụ ngân hàng số. Phần lớn người lao động chỉ sử dụng thiết bị thông minh cho nhu cầu giao tiếp đơn giản, thiếu kỹ năng khai thác thông tin chính thống, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán số, thương mại điện tử... Nhiều lao động chưa được đào tạo các kỹ năng nghề nghiệp mới gắn với chuyển đổi số như vận hành thiết bị công nghệ cao, quản trị kinh doanh trên nền tảng số, marketing số hay ứng dụng công nghệ trong sản xuất nông nghiệp và du lịch, do chương trình đào tạo nghề chậm cập nhật, thiếu gắn kết nhu cầu thị trường.

Ở cấp cơ sở, nhiều xã miền núi vẫn thiếu cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin; kỹ năng quản trị dữ liệu, khai thác phần mềm phục vụ công tác hành chính còn yếu, dẫn đến hiệu quả triển khai các chương trình chuyển đổi số địa phương chưa cao. Hệ quả là tình trạng “chuyển đổi số hình thức” có nguy cơ lan rộng, khi người dân và chính quyền cơ sở chưa thực sự làm chủ công nghệ.

Hạ tầng số ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi vẫn thiếu đồng bộ và chưa đảm bảo khả năng truy cập ổn định. Tính đến tháng 4/2025, các doanh nghiệp “phủ sóng băng rộng di động 3G, 4G, 5G đến hơn 99,8% dân số, phục vụ 119 triệu thuê bao. Riêng hạ tầng 5G phủ sóng 25,5% dân số sau gần một năm được cấp phép” [18], nhưng thực tế nhiều bản làng vùng sâu, vùng cao vẫn chưa có kết nối Internet ổn định; tỷ lệ hộ có thiết bị truy cập mạng còn rất thấp. Nhiều trường học thiếu phòng máy tính, thiết bị học trực tuyến hoặc hệ thống điện ổn định, khiến việc triển khai giáo dục số, đào tạo nghề từ xa chưa đạt hiệu quả. Ngoài ra, chi phí thiết bị và dữ liệu di động vẫn là rào cản đáng kể đối với các hộ nghèo, làm giảm khả năng tham gia học tập và giao dịch trên môi trường số.

Tình trạng di cư lao động tự do và thiếu định hướng nghề nghiệp cũng gây mất cân đối nguồn nhân lực. Nhiều thanh niên dân tộc thiểu số rời quê lên các đô thị hoặc khu công nghiệp làm việc giản đơn, không qua đào tạo, khiến địa phương mất đi lực lượng lao động trẻ có khả năng tiếp nhận kỹ năng mới. Hệ thống thông tin thị trường lao động ở vùng sâu, vùng xa còn yếu; chương trình đào tạo nghề chưa luôn gắn với nhu cầu thực tế của nền kinh tế số, dẫn đến mất cân đối cung - cầu lao động.

Những hạn chế nêu trên không chỉ phản ánh những yếu tố khách quan do điều kiện tự nhiên, hạ tầng, mà còn gợi mở nhu cầu cấp thiết phải xây dựng các giải pháp mang tính tổng thể, dài hạn, phù hợp với đặc thù văn hóa - xã hội từng vùng, nhằm hình thành đội ngũ lao động dân tộc thiểu số và miền núi có tri thức, kỹ năng và tư duy số. Đây là yếu tố then chốt để vùng dân tộc thiểu số và miền núi hòa nhịp cùng tiến trình chuyển đổi số quốc gia, bảo đảm nguyên tắc “không ai bị bỏ lại phía sau” trong sự phát triển bền vững của đất nước.

3.3. Một số giải pháp phát triển nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số ở Việt Nam hiện nay

Trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia, phát triển nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trở thành yêu cầu tất yếu để bảo

đảm tính bao trùm và bền vững của quá trình phát triển. Nếu không giải quyết tốt vấn đề này, khoảng cách số và khoảng cách phát triển giữa các vùng miền sẽ tiếp tục gia tăng, tác động trực tiếp đến mục tiêu giảm nghèo bền vững, nâng cao dân trí và giữ vững quốc phòng - an ninh.

Vì vậy, việc phát triển nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số ở Việt Nam hiện nay cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp cơ bản sau đây:

Một là, phát triển nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia trước hết đòi hỏi sự thống nhất nhận thức từ các cấp ủy đảng, chính quyền, cơ quan quản lý nhà nước đến đội ngũ cán bộ cơ sở và cộng đồng dân cư. Nếu nhận thức chưa đầy đủ, việc triển khai chính sách dễ rơi vào hình thức, dàn trải hoặc thiếu tính đặc thù vùng miền. Đặc biệt cần chú trọng nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ cơ sở, già làng, trưởng bản, những người có uy tín trong cộng đồng bởi đây là lực lượng trung gian góp phần định hướng, lan tỏa, tạo niềm tin trong cộng đồng dân cư về lợi ích của chuyển đổi số đối với đời sống sản xuất, giáo dục, y tế, quản lý xã hội...

Hai là, hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển nguồn nhân lực số vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

Cần tiếp tục thể chế hóa và cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết của Đảng và Nhà nước về phát triển nguồn nhân lực trong thời kỳ chuyển đổi số. Trong đó, ưu tiên xây dựng chiến lược tổng thể về phát triển nguồn nhân lực số vùng dân tộc thiểu số và miền núi đến năm 2030, tầm nhìn 2045, gắn với thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

Nhà nước cần ban hành chính sách ưu tiên đặc thù để thu hút nhân tài công nghệ thông tin, kỹ sư số, chuyên gia chuyển đổi số làm việc tại các tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa. Bên cạnh đó, cần hỗ trợ học phí, thiết bị học tập, Internet miễn phí hoặc ưu đãi cho học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số thuộc vùng đặc biệt khó khăn, giúp họ tiếp cận

tri thức và công nghệ một cách bình đẳng. Chính sách cần hướng tới mục tiêu “không ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình chuyển đổi số”.

Cùng với đó, nên đổi mới chính sách tiền lương, đãi ngộ, nhà ở công vụ cho đội ngũ giáo viên, cán bộ kỹ thuật, chuyên gia công nghệ công tác tại vùng dân tộc thiểu số và miền núi, nhằm khuyến khích họ gắn bó lâu dài, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo nghề và quản trị công ở cơ sở.

Ba là, đổi mới giáo dục và đào tạo nghề theo hướng số hóa, linh hoạt và gắn thực tiễn

Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục - đào tạo là khâu then chốt trong việc hình thành nguồn nhân lực có năng lực thích ứng với môi trường số. Trọng tâm đặt vào việc điều chỉnh nội dung chương trình gắn liền với yêu cầu tái cấu trúc tư duy giáo dục theo định hướng phát triển năng lực người học. Các nội dung về kỹ năng số, an toàn thông tin, năng lực học tập trực tuyến cần được tích hợp một cách hệ thống từ giáo dục phổ thông đến giáo dục nghề nghiệp và đại học. Đồng thời, giáo dục phải vượt ra khỏi không gian lớp học truyền thống, chuyển mạnh sang mô hình học tập suốt đời, linh hoạt trên các nền tảng số và các hệ sinh thái học tập mở, qua đó nuôi dưỡng khả năng tự học, tự thích ứng và sáng tạo của người học trong điều kiện phát triển mới.

Cùng với đó, cần xây dựng và phát triển hệ thống trung tâm học tập cộng đồng điện tử, các “thư viện số vùng cao”, nhằm giúp người dân tiếp cận dễ dàng tri thức mới, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng công nghệ. Ở những địa phương có điều kiện, có thể hình thành “trung tâm đổi mới sáng tạo vùng dân tộc thiểu số”, nơi kết nối giữa doanh nghiệp, trường nghề và thanh niên địa phương để triển khai các mô hình đào tạo nghề gắn với sản xuất thực tế.

Liên kết giữa cơ sở giáo dục - doanh nghiệp - chính quyền địa phương là yếu tố cốt lõi để bảo đảm đào tạo theo nhu cầu của thị trường. Các ngành nghề mới như nông nghiệp thông minh, du lịch số, thương mại điện tử, quản lý dữ liệu, truyền thông số, lập trình cơ bản cần được đưa vào

chương trình đào tạo nghề. Đồng thời, nên chuẩn hóa đội ngũ giáo viên dạy nghề về kỹ năng số, tăng cường hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp công nghệ trong việc xây dựng chương trình học phù hợp.

Theo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm học 2023 - 2024 “tại 318 trường phổ thông dân tộc nội trú có gần 104.000 học sinh. Ngoài ra, cả nước có khoảng 300.000 học sinh phổ thông người dân tộc thiểu số theo học tại 1.213 trường phổ thông dân tộc bán trú” [19]. Đây là lực lượng giáo dục quan trọng, cần được ưu tiên đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, phòng học thông minh, giúp học sinh tiếp cận sớm với kỹ năng số, học trực tuyến, và tư duy công nghệ.

Bốn là, phát triển đội ngũ cán bộ và doanh nhân vùng dân tộc thiểu số và miền núi trong thời đại số

Cán bộ và doanh nhân người dân tộc thiểu số là nhân tố nòng cốt, “hạt nhân lan tỏa” trong công cuộc phát triển vùng. Cần đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo, quản trị công nghệ, quản lý dữ liệu số, kỹ năng truyền thông số cho đội ngũ cán bộ cơ sở người dân tộc thiểu số. Đây là nhóm lực lượng quan trọng trong việc triển khai các chương trình chính sách của Đảng và Nhà nước về chuyển đổi số ở cơ sở.

Khuyến khích và hỗ trợ phong trào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong thanh niên và doanh nhân dân tộc thiểu số. Các dự án khởi nghiệp số gắn với sản phẩm đặc trưng của vùng dân tộc thiểu số và miền núi như nông sản, dược liệu, thủ công mỹ nghệ, du lịch cộng đồng cần được ưu tiên vay vốn, hỗ trợ công nghệ và đào tạo kỹ năng kinh doanh điện tử. Việc hình thành mạng lưới “doanh nhân số vùng cao” sẽ tạo tác động lan tỏa, khơi dậy tinh thần tự chủ, sáng tạo và trách nhiệm xã hội trong cộng đồng.

Bên cạnh đó, cần nâng cao năng lực số cho đội ngũ cán bộ công chức cấp xã, giúp họ thành thạo trong quản lý dữ liệu, sử dụng phần mềm hành chính công, tương tác với người dân qua các nền tảng số, góp phần thực hiện chính quyền điện tử, hướng tới chính quyền số ở vùng dân tộc thiểu

số và miền núi.

Năm là, phát triển hạ tầng số và xây dựng môi trường học tập suốt đời

Hạ tầng số là nền tảng thiết yếu để phát triển nguồn nhân lực số. Cần ưu tiên đầu tư mạng Internet băng rộng, phủ sóng 5G, các thiết bị thông minh và hệ thống năng lượng sạch cho trường học, trạm y tế, trung tâm học tập cộng đồng ở vùng sâu, vùng xa. Việc triển khai mạng truyền dẫn cáp quang tới từng bản làng cần được gắn với các chương trình phát triển hạ tầng nông thôn mới và chương trình mục tiêu quốc gia.

Đồng thời, nên xây dựng nền tảng học tập mở vùng dân tộc thiểu số, cung cấp các khóa học kỹ năng số, nông nghiệp số, kinh doanh trực tuyến bằng nhiều ngôn ngữ dân tộc, giúp người học dễ dàng tiếp cận. Đặc biệt, cần hình thành hệ thống cơ sở dữ liệu nhân lực số vùng dân tộc thiểu số, kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và lao động, phục vụ công tác quy hoạch, dự báo và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực tại chỗ.

Sáu là, khơi dậy khát vọng phát triển trong cộng đồng dân tộc thiểu số thời kỳ chuyển đổi số

Chuyển đổi số không chỉ là câu chuyện của công nghệ mà là chuyển đổi về nhận thức và hành động. Vì vậy, công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cần được triển khai sâu rộng bằng nhiều hình thức sinh động, gần gũi, bằng ngôn ngữ và văn hóa riêng của từng dân tộc.

Các chương trình truyền thông nên nhấn mạnh lợi ích thiết thực của chuyển đổi số đối với đời sống người dân: giúp tiêu thụ nông sản qua thương mại điện tử, học nghề từ xa, khám chữa bệnh trực tuyến, hay tiếp cận dịch vụ hành chính công thuận tiện. Qua đó, khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường, ý chí vươn lên làm chủ công nghệ, đặc biệt trong thế hệ trẻ vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

Đồng thời, cần tôn vinh và nhân rộng các tấm gương điển hình “người dân tộc làm chủ công nghệ”, như những học sinh, thanh niên, doanh nhân dân tộc thiểu số thành công trong lĩnh vực chuyển đổi số, khởi nghiệp số... Những hình mẫu

này có sức lan tỏa mạnh mẽ, tạo động lực phát triển bền vững và củng cố niềm tin vào chính sách của Đảng, Nhà nước trong cộng đồng dân tộc thiểu số.

4. Kết luận

Phát triển nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia là một nhiệm vụ mang tính chiến lược, lâu dài và phức hợp. Từ quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đến đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước, nhất là Quyết định số 1657/QĐ-TTg (30/12/2022) của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045, có thể thấy một định hướng xuyên suốt: nguồn nhân lực vùng dân tộc thiểu số và miền núi phải được bảo đảm quyền tiếp cận bình đẳng với các cơ hội của thời đại số.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, dù đã có những chuyển biến tích cực về giáo dục, chất lượng lao động và bước đầu phát triển hạ tầng, kỹ năng số, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi vẫn đối mặt với nhiều hạn chế. Mặt bằng học vấn và thể lực còn thấp; kỹ năng số, kỹ năng nghề mới còn thiếu; tiếp cận hạ tầng chưa đồng đều; điều kiện kinh tế - xã hội còn khó khăn. Đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu quản trị số, trong khi di cư lao động làm cơ cấu nhân lực kém bền vững. Nếu không sớm khắc phục, khoảng cách phát triển sẽ tiếp tục gia tăng và ảnh hưởng đến hiệu quả chuyển đổi số quốc gia.

Trên cơ sở phân tích cơ sở lý luận, thực trạng, các nhóm giải pháp được đề xuất trong nghiên cứu - bao gồm: thống nhất nhận thức từ các cấp ủy đảng, chính quyền, cơ quan quản lý nhà nước đến đội ngũ cán bộ cơ sở và cộng đồng dân cư; hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển nguồn nhân lực vùng dân tộc thiểu số và miền núi; tăng cường giáo dục nghề nghiệp gắn với kỹ năng và công nghệ số; nâng cao năng lực số cho cán bộ và doanh nhân vùng dân tộc thiểu số và miền núi trong thời đại số; phát triển hạ tầng số và xây dựng môi trường học tập suốt đời; khơi dậy khát vọng

phát triển trong cộng đồng dân tộc thiểu số trong quá trình số hóa toàn diện đời sống kinh tế - xã hội.

Phát triển nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi không chỉ là nhiệm vụ của riêng ngành công tác dân tộc mà là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, của cộng đồng doanh nghiệp và toàn xã hội. Chỉ khi nguồn nhân lực vùng dân tộc thiểu số và miền núi được hỗ trợ tiếp cận bình đẳng và chủ động làm chủ công nghệ, thì chuyển đổi số quốc gia mới thực sự mang tính bao trùm, bền vững và phù hợp với mục tiêu “không để ai bị bỏ lại phía sau” trong quá trình phát triển đất nước.

Tài liệu tham khảo

- [1] C. Mác, Ph. Ăngghen. (1995). Toàn tập. Tập 3. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
- [2] Hồ Chí Minh. (2011). Toàn tập. Tập 11. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.
- [3] P.M. Toàn. (2023). Nguồn nhân lực Việt Nam hiện nay - Thực trạng và giải pháp. *Tạp chí Triết học và đời sống*, số 2 (12/2023), 73-74.
- [4] Thủ tướng Chính phủ. (2006). Quyết định số 07/2006/QĐ-TTg ngày 10/01/2006 Phê duyệt Chương trình Phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006-2010.
- [5] Quốc hội. (2019). Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 Phê duyệt Đề án Tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.
- [6] Quốc hội. (2020). Nghị quyết 120/2020/QH14 ngày 19/06/2020 Phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.
- [7] Thủ tướng Chính phủ. (2021). Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.
- [8] Thủ tướng Chính phủ. (2022). Quyết định số 1657/QĐ-TTg ngày 30/12/2022 Ban hành Chương trình hành động thực hiện Chiến lược

- công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.
- [9] Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Tập 1. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.
- [10] T. Duy. (2025). Giáo dục vùng dân tộc thiểu số: Sinh kế chính là nguồn nhân lực được đào tạo nghề. *Báo Đại Đoàn Kết*. <https://daidoanket.vn/giao-duc-vung-dan-toc-thieu-so-sinh-ke-chinh-la-nguon-nhan-luc-duoc-dao-tao-nghe.html> (truy cập ngày 26/10/2025)
- [11] TTXVN. (2024). Năm học 2023 - 2024: Cả nước có hơn 1.500 trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú. <https://chinhsachcuocsong.vnanet.vn/nam-hoc-2023-2024-ca-nuoc-co-hon-1500-truong-pho-thong-dan-toc-noi-tru-ban-tru/46303.html> (truy cập ngày 30/8/2024).
- [12] N.T. Quang. (2024). Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực dân tộc thiểu số góp phần phát triển bền vững miền núi hiện nay. *Tạp chí Quản lý nhà nước*. <https://www.quanlynhanuoc.vn/2024/11/26/nang-cao-chat-luong-nguon-nhan-luc-dan-toc-thieu-so-gop-phan-phat-trien-ben-vung-mien-nui-hien-nay/> (truy cập ngày 26/11/2024)
- [13] H.T. Thanh. (2026). Phát triển nguồn nhân lực dân tộc thiểu số trong giai đoạn hiện nay: Thực trạng và giải pháp. <https://lyluanchinhtrivatruyenthong.vn/phat-trien-nguon-nhan-luc-dan-toc-thieu-so-trong-giai-doan-hien-nay-thuc-trang-va-giai-phap-p29607.html> (truy cập ngày 12/03/2026)
- [14] Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Tập 1. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.
- [15] T. Nguyên. (2024). Bàn giải pháp đào tạo nghề cho lao động nông thôn. *Báo VietNamNet*. <https://dantocphattrien.vietnamnet.vn/ban-giai-phap-dao-tao-nghe-cho-lao-dong-nong-thon-1712589759947.htm> (truy cập ngày 13/04/2024)
- [16] T. San. (2024). Đào tạo nhân lực người dân tộc thiểu số đạt nhiều kết quả, song vẫn còn hạn chế. *Tạp chí điện tử Giáo dục Việt Nam*. <https://giaoduc.net.vn/dao-tao-nhan-luc-nguoi-dan-toc-thieu-so-dat-nhieu-ket-qua-song-van-con-han-che-post247970.gd> (truy cập ngày 20/12/2024)
- [17] M. Anh. (2024). Bảo đảm quyền tiếp cận công nghệ số cho người dân. *Báo Nhân dân*. <https://nhandan.vn/bao-dam-quyen-tiep-can-cong-nghe-so-cho-nguoi-dan-post822233.html> (truy cập ngày 02/08/2024)
- [18] B. Dương. (2025). Băng rộng di động 3G, 4G, 5G đã phủ sóng hơn 99,8% dân số. *VnEconomy*. <https://vneconomy.vn/bang-rong-di-dong-3g-4g-5g-da-phu-song-hon-99-8-dan-so.htm> (truy cập ngày 13/06/2025)
- [19] S. Hào. (2025). Cấp bách xây dựng trường nội trú cho học sinh dân tộc thiểu số - Bài 1: Chông chênh đường tới trường. <https://baochinhphu.vn/cap-bach-xay-dung-truong-noi-tru-cho-hoc-sinh-dtts-bai-1-chong-chenh-duong-toi-truong-10225031509120614.htm> (truy cập ngày 15/03/2025)